

Bản án số: 30/2018/ HNGĐ-ST

Ngày: 18-07-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Oanh

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Huỳnh Tài Em

2/- Ông Nguyễn Văn Miên

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn- kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 07 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 06 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Trúc X, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Cái Tràm B (nay là ấp Thị trấn A), Thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Cái Tràm B (nay là ấp Thị trấn A), Thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 06 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Trúc X trình bày: Nguyên vào năm 1996, chị với anh Nguyễn Hoàng T xây dựng hôn nhân với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chị và anh Tâm có 03 người con chung tên: Nguyễn Nhật P, sinh năm 1999; Nguyễn Nhật H, sinh năm 2001; Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 27/4/2010. Hiện cháu Ph đã thành niên và có cuộc sống tự lập; còn các cháu H, Ph hiện đang sống cùng với anh Tâm.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh T là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xung đột cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống

vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân cách nay khoảng 01 năm. Nay ra tòa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T, giao con chung là các cháu Nguyễn Nhật H, sinh năm 2001; Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 27/4/2010 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Theo bị đơn – anh Nguyễn Hoàng T trình bày: Anh thống nhất theo trình bày của chị Xinh về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Trúc Xi, đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Nhật H, sinh năm 2001; Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 27/4/2010, không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Trúc X và anh Nguyễn Hoàng T là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Nhật H, sinh năm 2001; Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 27/4/2010 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh T không yêu cầu. Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Chị X phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hoàng T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Trúc X và anh Nguyễn Hoàng T chung sống với nhau vào năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị X và anh T chung sống với nhau là có thật. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị X và anh T, không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, nên không công nhận chị Nguyễn Trúc X và anh Nguyễn Hoàng T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị X và anh T có 03 người con chung tên là Nguyễn Nhật Ph, sinh năm 1999; Nguyễn Nhật Hào, sinh năm 2001; Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 27/4/2010. Hiện cháu Ph đã thành niên và có cuộc sống tự lập; còn các cháu H, Ph hiện đang sống cùng với anh T. Chị X có nguyện vọng giao các cháu H, Ph cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, đồng thời, anh T cũng đồng ý với nguyện vọng của chị X. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu H, Ph đang sống ổn định cùng với anh T, đồng thời, cháu H và cháu Ph cũng có nguyện vọng được sống cùng với anh T. Do đó, cần đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu H và cháu Ph. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao các cháu Nguyễn Nhật H, sinh năm 2001; Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 27/4/2010 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của anh T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh T thống nhất xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Trúc X và anh Nguyễn Hoàng T là vợ chồng.

2/- Về nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Nhật H, sinh năm 2001; Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 27/4/2010 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh T không yêu cầu. Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Trúc X phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị X đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004059 ngày 06/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho chị Nguyễn Trúc X biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Hoàng T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND TT Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

NGUYỄN THÚY OANH